SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI **BỆNH VIỆN ĐKKV BỒNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 928 /QĐ-BVBS	*Bồng Sơn, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế, vật tư nha khoa và sinh phẩm chẩn đoán in vitro phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn sử dụng đến hết năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐKKV BỒNG SƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư công theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu,

báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập các chi cục và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn trực thuộc Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-SYT ngày 25/3/2026 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-BVBS ngày 06/11/2026 của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn về việc phê duyệt giá gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế, vật tư nha khoa và sinh phẩm chẩn đoán in vitro phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn sử dụng đến hết năm 2026;

Theo đề nghị của Khoa Dược tại tờ trình số 32/TTr-KD ngày 06/11/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế, vật tư nha khoa và sinh phẩm chẩn đoán in vitro phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn sử dụng đến hết năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế, vật tư nha khoa và sinh phẩm chẩn đoán in vitro phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn sử dụng đến hết năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Khoa Dược, Phòng Tài chính – Kế toán Bệnh viện chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng Khoa Dược, Trưởng phòng TC-KT và các khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Y tế tỉnh Gia Lai;
- Lãnh đạo Bệnh viện;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, KD.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BỒNG SƠN

Nguyễn Văn Vấn

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ TOÁN MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT Y TẾ, VẬT TƯ NHA KHOA VÀ SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN IN VITRO PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN ĐKKV BỒNG SƠN SỬ DỤNG ĐẾN HẾT NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVBS ngày tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn)

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn	Mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế, vật tư nha khoa và sinh phẩm chẩn đoán in vitro	Mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế, vật tư nha khoa và sinh phẩm chẩn đoán in vitro phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn sử dụng đến hết năm 2026 (chi tiết tại phụ lục đính kèm)	**1.807.248.162**	Bao gồm nguồn quỹ Bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	30 ngày	Tháng 11 năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	01 tháng	Không
Tổng giá gói thầu:				**1.807.248.162 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng./.).**							

Ghi chú: *Giá hàng hóa mua sắm trên bao gồm giá bán, thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có); các chi phí vận chuyển bốc dỡ và các chi phí khác có liên quan,... để cung cấp hàng hóa đến tại kho của khoa Dược, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn.*

Số: 928/QĐ-BVBS
Thời gian ký: 2026-11-06T14:53:30+07:00

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN ĐKKV BỒNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

GÓI THẦU: MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT Y TẾ, VẬT TƯ NHA KHOA VÀ SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN IN VITRO

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVBS ngày /11/2026 của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VND)	Thành tiền (có VAT, đồng)
HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY HUYẾT HỌC SYSMEX XN-550						
1	Dung dịch đo hemoglobin	Hộp: 3lọ x 500ml Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu. Thành phần: Sodium lauryl sulfate ≥ 1.7 g/L	Hộp	6	5.849.550	35.097.300
2	Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Thùng: 5 lít Công dụng: sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts ≥ 0.07%; Nonionic surfactant ≥ 0.17%	Thùng	7	7.989.840	55.928.880
3	Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Hộp: 2 lọ x 42ml Công dụng: sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes. Thành phần: Polymethine ≥ 0.002%; methanol ≥ 3.0%; Ethylene Glycol ≥ 96.9%	Hộp	3	42.000.000	126.000.000
4	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Thùng: 20 lít Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin, và là dung dịch tạo dòng cho phương pháp đo tế bào dòng chảy Thành phần: Sodium chloride ≥ 0.7%; Tris buffer ≥ 0.2%; EDTA-2K ≥ 0.02%	Thùng	25	3.100.000	77.500.000
HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY SINH HÓA ERBA XL200						

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VND)	Thành tiền (có VAT, đồng)
5	Hóa chất định lượng Bilirubin Total	Bộ gồm: 3*44ml+3*11ml. Thành phần: R1 Sulphanilic Acid 28,87 mmol/l HCL 58.8 mmol/l Cetrimide 68.6 mmol/l. R2 Sodium Nitrite 2.90 mmol/l	Bộ	2	472.500	945.000
6	Hóa chất định lượng Creatinin	Bộ: R1:1 lọ x 44ml , R2: 1 lọ x 11ml. Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l R2: Picric Acid 26 mmol/l	Bộ	35	143.000	5.005.000
7	Hóa chất định lượng Total Protein	Lọ 44ml. Thành phần Copper II Sulphate 12 mmol/l; Potassium Sodium Tartrate 31.9 mmol/l; Potassium Iodide 30.1 mmol/l; Sodium Hydroxide 0.6mol/l.	Lọ	10	57.299	572.990
HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY SINH HÓA MINDRAY BS-360E						
8	Hóa chất định lượng Bilirubin-Direct	Bộ gồm: R1:4×20mL+R2:1×20mL Thành phần: R1: Hydrochloric acid: 0,42%, Sulfanilic acid: 0,67%, Water: 98,91%, R2: Sodium nitrite: 0,5%, Water: 99,5%	Bộ	2	808.500	1.617.000
9	Hóa chất định lượng Bilirubin-Total	Bộ gồm: R1:4×20 mL+R2:1×20 mL Thành phần: R1: Hydrochloric acid: 0,37%, Sulfanilic acid: 0,12%, Surfactant: 1,00%, Water: 98,51%, R2: Sodium nitrite: 0,5%, Water: 99,5%	Bộ	2	808.500	1.617.000
HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY MIỄN DỊCH CL-900i MINDRAY						
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Insulin	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Insulin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0,2-1.000µIU/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng insulin trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng insulin (chuột)- alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản	Test	500	58.600	29.300.000

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VND)	Thành tiền (có VAT, đồng)
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin	*Hóa chất xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0,02-100 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT trong đệm TRIS có chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	Test	400	280.000	112.000.000
HÓA CHẤT DÙNG VỚI MÁY PHÂN TÍCH CHỨC NĂNG ĐÔNG MÁU HUMACLOT PRO						
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Lọ 1ml - Chất thử chẩn đoán dạng ngưng kết D-Dimer (sẵn sàng sử dụng) 2 lọ x1ml. Thành phần: polustyrene bọc trong kháng thể đơn dòng chuột, đệm HEPES 10 mmol/l, albumnin huyết tương bò Bovine serum albumin, chất hoạt động bề mặt, sodium azide 0,05%. - Đệm phản ứng Reaction buffer (sẵn sàng sử dụng) 2x2,5ml, thành phần: đệm HEPES 100 mmol/l, NaCl 400 mmol/l, sodium azide 0,05%. - Chất chuẩn (bột đông khô) 1x1ml, thành phần: huyết tương người tăng cường D-Dimer, đệm HEPES 33 mmol/l. - Dung môi 1x6ml, thành phần: đệm phosphate 20 mmol/l, sodium azide < 0,1%. Độ ổn định: 2 tuần ở 8-25°C hoặc 4 tuần ở 2-8°C. Riêng chất chuẩn ổn định trong 12 giờ ở 4-25°C, 1 tuần ở 2-8°C, 6 tháng ở -20°C.	Lọ	4	3.900.000	15.600.000
HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HbA1C						
13	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm HbA1C	Thành phần 1 kit test: Ammonium Chloride 0,54% Sodium, Deoxycholate Monohydrate 0,40% Sodium Azide: hàm lượng phù hợp Nước. Boronate conjugate 11µg	Test	3.000	70.000	210.000.000
HÓA CHẤT KHÁC						
14	Bộ định danh IDS 14	Hệ thống định danh trực khuẩn Gram âm. Bộ/20 test	Bộ	2	590.000	1.180.000

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VND)	Thành tiền (có VAT, đồng)
15	Dung dịch rửa quả lọc	Thành phần gồm: Peracetic acid: ~ 4.2% w/w; Hydrogen peroxide: ~ 30% w/w; Acetic acid: ~ 4.9% w/w. Can 5kg	Can	12	945.714	11.348.568
16	Dung dịch làm sạch máy thận nhân tạo Acid Citric	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn máy lọc thận nhân tạo. Loại bỏ các vi khuẩn hiệu quả ở nhiệt độ trên 800C. * Thành phần: + Axit Citric: 45-55% + Acid lactic: 0.6-0.8% + Nước tinh khiết: 54.4- 44.2%	Lít	600	120.750	72.450.000
17	Test phát hiện định tính HBeAg	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán viêm gan B. Dạng khay	Test	50	7.000	350.000
18	Test thử đường huyết	Theo dõi nồng độ đường trong máu động mạch, máu mao mạch, máu tĩnh mạch có thể thử được ở những vị trí khác nhau như lòng bàn tay, cẳng tay. Có kết quả 5s	Test	2.000	6.700	13.400.000
VẬT TƯ Y TẾ						
19	Bộ chăm sóc Catheter	*Chất liệu: làm từ vải không dệt không thấm nước, thành phần nguyên liệu là 100% Polypropylen, màu xanh *Thành phần: - 1 cái Khăn phẫu thuật 50cm x 60cm - 1 cái Khăn đắp phẫu thuật 100cm x 100cm, khoét lỗ Ø10cm. - 5 cái Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp. - 5 cái Gạc phẫu thuật không dệt 20cm x 20cm x 2 lớp. - 2 cái cốc nhựa. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE; GMP, FDA	Bộ	200	31.500	6.300.000
20	Bộ dây dẫn máu thận nhân tạo	* Chất liệu: PVC (Polyvinylchloride), không có DEHP * Bộ gồm: - Dây động mạch: Có nhánh đo áp lực trước màng. Dài: 370 - 420mm. Đường kính dây bơm máu: đường kính trong < 8mm, đường kính ngoài < 12mm. - Bầu chứa loại trung 22 mm có lưới lọc với đường kính mắt lưới khoảng 0.23mm. - Dây tĩnh mạch: Các nhánh đo áp lực và đầu nối có nắp đậy có răng và kẹp khóa an toàn, cổng tiêm thuốc chất liệu cao su y tế mềm, đàn hồi. * Tiệt trùng	Bộ	8.000	50.000	400.000.000

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VND)	Thành tiền (có VAT, đồng)
21	Bộ tiêm chích dùng cho chạy thận nhân tạo	Bộ tiêm chích FAV bao gồm: - Khăn chống thấm 40cm x 60cm (hoặc 45cm x 60cm): 1 cái - Gạc phẫu thuật không dệt 5cm x 5cm x 8 lớp: 2 miếng. - Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 4 lớp: 4 miếng - Gạc trụ tròn 2cm x 3cm: 2 cái. - Băng keo 14cm x 2cm: 6 cái. Quy cách đóng gói: 1 Bộ/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.	Bộ	7.000	9.765	68.355.000
22	Catheter tĩnh mạch đùi	* Kích cỡ Catheter: 12F dài 15cm * Chất liệu Catheter: Polyurethan * Kim dẫn đường chữ Y. * Tiệt trùng	Cái	5	839.790	4.198.950
23	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C.	Tép	120	19.500	2.340.000
24	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 22 mm	Tép	120	19.500	2.340.000
25	Chỉ phẫu thuật PDS II số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi SH plus dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày.Đạt Tiêu Chuẩn : ISO, CE, CFG-FDA Hộp/36 tép.	Tép	12	132.570	1.590.840
26	Chỉ phẫu thuật PDS II số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi Atraloc SH-2 plus dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày.	Tép	12	137.932	1.655.184

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VND)	Thành tiền (có VAT, đồng)
27	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 2/0, dài 75cm, 2 kim thẳng ST-70 dài 70mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài 75cm, 2 kim thẳng ST-70 bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 70mm.	Tép	10	142.325	1.423.250
28	Chỉ thị hoá học 2 thông số cho hấp ướt (đồ vải)	- Chỉ thị hoá học loại 4 theo ISO 11140-1:2014 - Đổi màu: Vàng sang đen - Kích thước: 200 x 15 mm ± 2% - 100% không chứa các kim loại nặng (Bi, Ni, Pb, Cr, Cu, Co) - Trên que chỉ thị in: số lô, hạn sử dụng - Điều kiện điểm cuối: 121 độ C trong 15 phút hoặc 134 độ C trong 3,5 phút ± 1 độ C - Màu chỉ thị sau tiệt khuẩn không thay đổi trong ≥ 6 tháng	Que	1.000	1.045	1.045.000
29	Chỉ thị sinh học dùng cho máy hấp Plasma	* Thành phần: Bào tử Geobaccillus Stearothermophilus. * Cho kết quả đọc từ 4-20 phút. Tương thích với máy ủ và đọc chỉ thị sinh học của hãng Ugaiya	Ống	50	169.050	8.452.500
30	Dụng cụ cố định ống nội khí quản có chống cắn	Chất liệu thân thiện với da (latex free), và miếng dán hydrocolloid có độ pH giống như da, không gây kích ứng. Kích thước trong ID: 5-10mm.	Cái	100	288.300	28.830.000
31	Kim cánh bướm thận nhân tạo	Kim chạy thận nhân tạo • Kim phủ Silicon, thành kim siêu mỏng, cắt vát 3 mặt sắc bén, có back eye giảm thiểu chấn thương cho bệnh nhân. • Kim được làm từ thép không gỉ SS304 • Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. • Ống làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP mềm mại, mờ và kháng xoắn • Kẹp: ngăn chặn dòng chảy của chất lỏng • Cánh bướm và được mã hoá màu theo từng kích cỡ, cánh cố định • Chiều dài kim: 25mm (±1mm). • Chiều dài ống: 30cm, Đường kính: ID: 3.5mm, OD: 5.5mm. Đường kính kim (mm): 16G: 1.64 - 1.66mm • Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	20.000	5.670	113.400.000

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VND)	Thành tiền (có VAT, đồng)
32	Kim tiêm Meso	Kích thước kim: Kim 34G có đường kính siêu nhỏ, giúp hạn chế tối đa tổn thương cho da. Chiều dài: 4mm - độ dài lý tưởng để tiêm dưỡng chất vào các vết nông của da mà không gây xâm lấn quá sâu. Chất liệu: Kim được làm từ thép không gỉ, đảm bảo an toàn và độ bền cao. 100 cái/ hộp	Cái	200	3.500	700.000
33	Lọ nhựa đựng bệnh phẩm	Dung tích: 55ml nhựa PS, có nắp, có nhãn, tiệt trùng	Lọ	300	1.084	325.200
34	Miếng dán điện cực tim	Nền xốp, hình tròn hoặc oval, nút điện cực bằng thép không gỉ, gel dính keo Acrylate. Dùng 1 lần	Cái	1.500	1.113	1.669.500
35	Que nhuộm Fluorescein sodium	Nhuộm giác mạc, được chỉ định trong điều trị phát hiện các tổn thương giác mạc. Mỗi que được đóng gói vô khuẩn riêng, chứa 1 mg Fluorescein Sodium. Hộp chứa 100 que nhuộm	Que	100	3.000	300.000
36	Quả lọc thận nhân tạo	* Chất liệu màng lọc: Polysulfone PVP * Chất liệu vỏ quả lọc: Polypropylene. * Diện tích màng 1,4m². * UF: 12 ml/h.mmHg/p. * Thể tích mồi: 74ml. *Áp lực xuyên màng: 600mmHg. * Tiệt trùng: hơi nước inline * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Quả	1.200	314.000	376.800.000
37	Túi Camera	01 cái túi Camera gồm có: 01 túi nylon 9cm x 14cm, có dây buộc, có bì đựng bệnh phẩm; 01 Ống Nylon đường kính 18cm x 230cm, có dây buộc. Vô trùng. Bì 1 cái	Cái	2.000	6.300	12.600.000
VẬT TƯ DÙNG TRONG NHA KHOA						
38	Bôi trơn ống tủy	* Thành phần ≥ 15% EDTA * Tuýp 7g	Tuýp	1	250.000	250.000

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VND)	Thành tiền (có VAT, đồng)
39	Cortisomol trám bít ống tủy	Cement trám bít ống tủy - thời gian làm việc: 35 Minutes ở 23 độ C (73F), thời gian đông cứng: 45 Minutes at 37C (99F). Có khả năng trám bít kín không tạo bọt khí/ lỗ hổng, không nhiễm màu lên răng, không hòa tan trong dịch, máu	Lọ	2	1.100.000	2.200.000
40	Keo dán nha khoa	Dùng trong trám răng. Keo dán nha khoa, dùng trong phục hình các miếng trám nứt vỡ trong nha khoa.	Lọ	1	595.000	595.000
41	Khăn lau khử khuẩn bề mặt dụng cụ	Thành phần: Didecyldimethylammoniumchloride 0,76%, Ethanol 7,5%, Isopropanol 15%, hộp >150 tờ	Hộp	2	280.000	560.000
42	Lentulo ngoại	* Chất liệu thép không rỉ. * Các số: Số 25, 30. Chiều dài 21mm; 25mm.	Cây	10	25.000	250.000
43	Trâm gai lấy tủy	* Chất liệu: Thép không rỉ * Chiều dài: 21mm * Các size: 1, 2, 3	Cây	100	11.560	1.156.000
Tổng cộng: 43 mặt hàng						**1.807.248.162**

Tổng tiền bằng chữ: Một tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng,/.